

Số: ~~664~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~11~~ tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg
ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế
- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày
30/12/2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ
năm 2021 đến năm 2025; số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 sửa đổi, bổ
sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày
30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu
chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của
ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai
đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ
nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai
đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 09/2022/NQ-
HĐND ngày 07/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa
phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -
2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày
21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định

mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 20/20234/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 52/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh; số 04/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 từ nguồn vốn Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh; số 17/NQ-HĐND ngày 05/3/2024 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 từ nguồn vốn trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh; số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh; số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng.

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 163/HĐND-DT ngày 26/9/2024 và xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 968/BDT-CSĐT ngày 15/8/2024; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3287/STC-NS ngày 30/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 (chi tiết tại phụ lục 01, 02 và 03 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm điều chỉnh kinh phí nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

2. Các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Ban Dân tộc tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

3. Ban Dân tộc tỉnh chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện của các cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả cho UBND tỉnh để chỉ đạo.

4. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán kinh phí nêu trên theo quy định hiện hành.

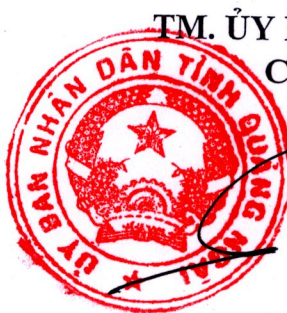
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022, số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022, số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 và số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

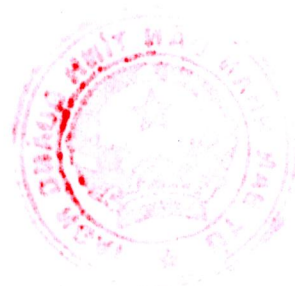
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh: Dân tộc, VHXX, KTNS;
- VPUB: PCVP, KTTH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin449}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



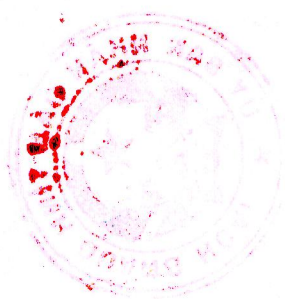
Nguyễn Hoàng Giang



**ĐIỀU CHỈNH ĐƠN CỤ THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC
PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ HỘI YÊN BÔNG BAO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022**
(Kèm theo Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh)

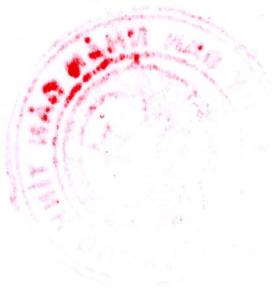


Dự án		Kế hoạch vốn năm 2022 được phân bổ tại Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 và Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh được kéo dài thực hiện năm 2024										Điều chỉnh Kế hoạch năm 2022			Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh được kéo dài thực hiện năm 2024			Ghi chú
		Tổng vốn đã phân bổ	Trong đó		Tăng				Giảm			Tổng số	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	NSTW		NST					
STT		1.354	1.231	123	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123					
	TỔNG CỘNG	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123					
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123					
	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123	1.354	1.231	123					
	* Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học				1.354	1.231	123				1.354	1.231	123					
a	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể	-	-	-	1.354	1.231	123				1.354	1.231	123					
1	Sở Nội vụ				676	615	61				676	615	61					
2	Sở Giáo dục và Đào tạo				678	616	62				678	616	62					
b	Phân bổ cho các huyện	1.354	1.231	123				1.354	1.231	123	-	-	-					
1	Huyện Sơn Hà	196	178	18				196	178	18	-	-	-					
2	Huyện Sơn Tây	148	135	13				148	135	13	-	-	-					
3	Huyện Trà Bồng	331	301	30				331	301	30	-	-	-					
4	Huyện Ba Tơ	439	399	40				439	399	40	-	-	-					
5	Huyện Minh Long	240	218	22				240	218	22	-	-	-					



CHÍNH HON SỰ NÔNG NGHIỆP
TỈNH SÁ HỌI VÙNG ĐÔNG
Định hình số 664/ĐL

Dự án		Kế hoạch vốn năm 2023 được phân bổ tại Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh được kéo dài sang năm 2024										Điều chỉnh Kế hoạch năm 2023					Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh được kéo dài thực hiện năm 2024					Ghi chú
		Tổng vốn đã phân bổ	Trong đó		Tổng cộng	Tăng			Giảm			Tổng số	Trong đó									
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	NSTW		NST									
STT	TÔNG CỘNG	3.971	3.609	362	3.971	3.609	362	3.971	3.609	362	3.971	3.609	362	3.971	3.609	362						
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực																					
	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực	3.971	3.609	362	3.971	3.609	362	3.971	3.609	362	3.971	3.609	362	3.971	3.609	362						
	* Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học				3.971	3.609	362							3.971	3.609	362						
a	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể	-	-	-	3.971	3.609	362							3.971	3.609	362						
1	Sở Nội vụ				1.984	1.804	180							1.984	1.804	180						
2	Sở Giáo dục và Đào tạo				1.987	1.805	182							1.987	1.805	182						
b	Phân bổ cho các huyện	3.971	3.609	362				3.971	3.609	362				-	-	-						
1	Huyện Sơn Hà	575	523	52				575	523	52				-	-	-						
2	Huyện Sơn Tây	435	395	40				435	395	40				-	-	-						
3	Huyện Trà Bồng	974	885	89				974	885	89				-	-	-						
4	Huyện Ba Tơ	1.286	1.169	117				1.286	1.169	117				-	-	-						
5	Huyện Minh Long	701	637	64				701	637	64				-	-	-						



ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ KHÁI MỞNG ĐỒNG BAO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh)

Dự án		Kế hoạch vốn năm 2024 được phân bổ tại Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh										Điều chỉnh Kế hoạch năm 2024				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng vốn đã phân bổ	Tăng đó			Tăng			Giảm			Tổng số	Trong đó						
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	NSTW		NST						
STT	TỔNG CỘNG	10.304	9.161	1.143	9.741	8.671	1.070	9.741	8.671	1.070	10.304	9.161	1.143						
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	10.304	9.161	1.143	9.741	8.671	1.070	9.741	8.671	1.070	10.304	9.161	1.143						
I	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực	10.304	9.161	1.143	9.741	8.671	1.070	9.741	8.671	1.070	10.304	9.161	1.143						
I	* Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	5.267	4.580	687	4.704	4.090	614	4.704	4.090	614	5.267	4.580	687						
a	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	5.267	4.580	687	4.704	4.090	614	4.704	4.090	614	5.267	4.580	687						
	Ban Dân tộc tỉnh	5.267	4.580	687	-	-	614	4.704	4.090	614	563	490	73						
	Sở Nội vụ	-	-	-	4.704	4.090	614	-	-	-	4.704	4.090	614						
2	* Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học	5.037	4.581	456	5.037	4.581	456	5.037	4.581	456	5.037	4.581	456						
a	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể	-	-	-	5.037	4.581	456	-	-	-	5.037	4.581	456						
	Sở Nội vụ	-	-	-	2.518	2.290	228	-	-	-	2.518	2.290	228						
	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	-	-	2.519	2.291	228	-	-	-	2.519	2.291	228						
b	Phân bổ cho các huyện	5.037	4.581	456	-	-	456	5.037	4.581	456	-	-	-						
	Huyện Sơn Hà	730	664	66	-	-	66	730	664	66	-	-	-						
	Huyện Sơn Tây	551	501	50	-	-	50	551	501	50	-	-	-						
	Huyện Trà Bồng	1.235	1.123	112	-	-	112	1.235	1.123	112	-	-	-						
	Huyện Ba Tơ	1.632	1.484	148	-	-	148	1.632	1.484	148	-	-	-						
	Huyện Minh Long	889	809	80	-	-	80	889	809	80	-	-	-						

